

Bản án số: 250/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 – 11 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 394/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn M, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X với anh M chung sống năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh M thường xuyên nhậu và đánh chị nhiều lần, gia đình có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Loan A, sinh ngày 01/12/2007 và Dương Tuấn A1, sinh ngày 26/8/2011 hiện đang sống chung anh M. Khi ly hôn, 02 người con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Dương Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị X khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Dương Văn M là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị X có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với anh M: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh M nhận, nhưng không ký tên vào biên bản. Đồng thời, cán bộ Tòa án đã liên hệ qua điện thoại để thông báo nội dung khởi kiện, thời gian, địa điểm giải quyết vụ án cho anh M biết, nhưng anh M vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị X, anh M.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2006, chị X và anh M kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh M được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo chị X xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tuy nhiên anh M không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định anh M không thật sự còn quan tâm hay tha thiết gì đến mối quan hệ hôn nhân với chị X, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị X và anh M đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Việc này được thể hiện là kể ngày chị X nộp đơn yêu cầu ly hôn thì anh chị không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, chị M còn xác định trong quá trình chung sống anh M có hành vi bạo lực gia đình. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Loan A gần tròn 15 tuổi, còn cháu Tuấn A1 đã hơn 11 tuổi và đang sống chung với anh M. Khi ly hôn, 02 người con có nguyện vọng sống với cha thì cha nuôi, sống với mẹ thì mẹ nuôi, cấp dưỡng không đặt ra. Tuy nhiên, anh M không có ý kiến về nuôi con và cấp dưỡng. Xét thấy: Khi cán bộ Tòa án đến nhà để ghi nguyện vọng của cháu Loan A và Tuấn A1 thì 02 cháu không đồng ý và anh M không hợp tác, do đó Tòa án không ghi được nguyện vọng của 02 cháu. Tuy nhiên, 02 cháu hiện đang sống ổn định với anh M, được anh Mền cho đi học như bao trẻ em khác đồng trang lứa. Như vậy, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của 02 cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Loan A và Tuấn A1 cho anh M tiếp tục nuôi là phù hợp.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị X xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh M thì không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Dương Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Loan A, sinh ngày 01/12/2007 và Dương Tuấn A1, sinh ngày 26/8/2011 cho anh Dương Văn M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Trần Thị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai số 0012975 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Trần Thị X đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Trung;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh